TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Tấn Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Huỳnh Thị Thu Sương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S – S1**

Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm V, sinh năm: 1983– Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch; địa chỉ liên hệ: I T, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Ôn Văn T**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 13/3/2023, ông Ôn Văn T có kỳ với Ngân hàng TMCP S - CN Quảng Nam - P Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tin dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tin dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Ôn Văn T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480-7173 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 33,2%/năm (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Lãi quá hạn (33,2% x 150% = 49.8%/năm).

Sau khi cấp Thẻ tín dụng, ông Ôn Văn T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền cụ thể như sau:

- Tổng số tiền giao dịch: 48.563.500 đồng;

- Tổng số liền lãi: 37.653.8964 đồng;

- Tổng số tiền phí: 1.556.808 đồng;

- Tổng số tiền đã thanh toán: 9.650.000 đồng.

- Tổng số tiền khách hàng phải thanh toán cho Ngân Hàng tạm tính đến ngày 28/3/2025 là: 80.963.762 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Ôn Văn T đã không hợp tác thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Ôn Văn T vẫn không có thiện chỉ trả nợ. Do ông Ôn Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/3/2025 ông Ôn Văn T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 45.626.642 đồng; lãi trong hạn: 23.558.080 đồng; lãi quá hạn: 11.779.040 đồng. Tổng cộng: 80.963.762 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Ôn Văn T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Ôn Văn T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa giải quyết:

1. Buộc ông Ôn Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 80.963.762 đồng, trong đó: nợ gốc: 45.626.642 đồng; lãi trong hạn: 23.558.080 đồng; lãi quá hạn: 11.779.040 đồng.

2. Ông Ôn Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/3/2025 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phi phi thị hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn ông Ôn Văn T đã được tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T1 đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP ., phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn là ông Ôn Văn T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Ôn Văn T.

Buộc ông Ôn Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 28/3/2025 là 80.963.762 đồng, trong đó: nợ gốc: 45.626.642 đồng; lãi trong hạn: 23.558.080 đồng; lãi quá hạn: 11.779.040 đồng, ông T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Ôn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Ôn Văn T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 13/3/2023, ông Ôn Văn T có ký thẻ tín dụng số 356480-7173 với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 33,2%/năm (lãi suất trong hạn) và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ông T về việc cấp thẻ tín dụng và ông T đã thực hiện ba lần giao dịch với tổng số tiền 48.563.500 đồng, nhưng cho đến nay bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi

phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 15/5/2023 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S được 9.350.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/5/2023 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc ông Ôn Văn T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 80.963.762 đồng, trong đó: nợ gốc: 45.626.642 đồng; lãi trong hạn: 23.558.080 đồng; lãi quá hạn: 11.779.040 đồng.

Ông Ôn Văn T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 45.626.642 đồng;

Ngày 13/3/2023, ông Ôn Văn T ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồngsố 970403-0243, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho ông Ôn Văn T thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 03 lần giao dịch với số tiền 48.563.500 đồng, tính đến ngày 15/5/2023 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.650.000 đồng. Tính đến ngày 28/3/2025 dư nợ gốc của ông T là 45.626.642 đồng, từ thời điểm đó đến nay ông T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với S1. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 45.626.642 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 23.558.080 đồng và lãi quá hạn với số tiền 11.779.040 đồng tính từ ngày 15/9/2023 đến ngày 28/3/2025. Tổng Cộng là: 80.963.762 đồng. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 33,2%/năm. Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Ôn Văn T phải thanh toán khoản lãi trong hạn 23.558.080 đồng và lãi quá hạn 11.779.040 đồng tính từ ngày 15/9/2023 đến ngày 28/3/2025 với tổng số tiền là 80.963.762 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định "*Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp tín dụng phải trả cho tổ chức tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận"*. Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển*

nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn”. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 45.626.642 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ.

[5] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 356480-7173 ngày 13/3/2023; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Ôn Văn T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhậnyêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với ông Ôn Văn T.

Tuyên xử: Buộc ông Ôn Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2025 là 80.963.762 đồng, trong đó: nợ gốc: 45.626.642 đồng; lãi trong hạn: 23.558.080 đồng; lãi quá hạn: 11.779.040 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 29/3/2025) ông Ôn Văn T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.048.188 đồng, ông Ôn Văn T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.665.990 đồng theo biên lai thu số 0009378 ngày 04/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm